

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 150/2023/HS-ST.

Ngày: 22/11/2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum và nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 142/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lam T. Sinh ngày 14/6/2003, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Ba Na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A J, sinh năm 1970 và bà Y, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: 0; Tiền án: 0; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay. "Có mặt"

2. Họ và tên: A B. Sinh ngày 07/6/1997, tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Ba Na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A B1, sinh năm 1970 và bà H, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: 0; Tiền án: 0. Về nhân thân: Ngày 21/7/2017 bị Tòa án nhân dân TP. Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 52/2017/HS-ST. Ngày 25/10/2017 chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích). Ngày 10/01/2020 bị Tòa án nhân dân TP. Kon Tum xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 05/2020/HS-ST. Ngày 23/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay. "Có mặt"

3. A T1. Sinh ngày 10/8/2002, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Ba Na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A T3, sinh năm 1962 và bà Y C (đã chết); Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự:

0; Tiền án: 0; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2023 đến nay. "Có mặt".

- Bị hại: Anh Đặng T4, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

2. Ông A B1, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn T, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/8/2023 Lam T đến nhà A B tại thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum để chơi. Tại đây, Lam T rủ A B đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản thì A B đồng ý. Cả hai đi bộ tìm nhà dân sơ hở thì phát hiện nhà kho của anh Đặng T4 tại thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum khóa ngoài không có người trông coi nên cả hai thống nhất quay về nhà A Bằng ngủ, sáng sớm ngày mai đến đây trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 15/8/2023 Lam T và A B mang theo 01 (một) cái kéo đến nhà kho của anh Đặng T4. Tại đây, A B đứng ngoài canh giới, Lam T trèo bên hông nhà kho, dùng kéo cắt một lỗ tôn chui vào bên trong rồi lấy kìm cộng lực có sẵn trong nhà kho cắt ổ khóa cửa. Lam T lục tìm tài sản thì lấy trộm được 05 cuộn dây điện, 01 máy bơm nước, 03 máy mài, 01 kìm cộng lực, 02 cái ba lô, 01 cái bao tải mang ra vị trí A B đứng canh giới. Sau đó, cả hai vút kìm cộng lực ở bụi cây gần đó và mang số tài sản vừa trộm cắp đến nhà A B để cất giấu. Tại nhà A B, cả hai đã bỏ 01 máy bơm nước, 03 máy mài vào trong 02 cái ba lô cất giấu trong chuồng gà, 05 cuộn dây điện và 01 bao tải A B đem đốt phần vỏ nhựa để lấy lõi đồng bên trong. Đốt xong, Lam T về nhà tắm, A B mang cuộn dây đồng cất giấu ở đầu giường ngủ trong nhà mình.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày khi A T2 đang ngủ trong nhà A B thì A B gọi A T2 dậy. Lúc này, A B nói với A T2 là tối qua A B với Lam T vừa trộm được mấy cuộn dây điện đem đốt lấy lõi đồng và nói A T2 mang cuộn lõi đồng đi bán lấy tiền tiêu xài thì A T2 đồng ý. A B chỉ cuộn lõi đồng để ở đầu giường và đưa xe mô tô biển số 82B2-102.02 cho A T2 đi bán. A T2 điều khiển xe mô tô chở cuộn lõi đồng đến tiệm thu mua phế liệu tại thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum để bán cho ông Nguyễn Văn K lấy số tiền 1.560.000 (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng. Bán xong A T2 mang số tiền trên về đưa cho A B.

Phát hiện mất tài sản, sáng ngày 15/8/2023 anh Đặng T2 có đơn trình báo gửi Cơ quan Công an. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT – Công an TP. Kon Tum đã phát hiện và giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lam T, A B, thu giữ 01 máy bơm nước, 03 máy mài, 02 cái ba lô tại chuồng gà nhà A B, số tiền 1.560.000 (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng trên người A B.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 80/KL-HĐ ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Kon Tum kết luận giá trị của: 02 (hai) cuộn dây điện nguồn, tổng dài 100m tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.120.000 (một triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) cuộn dây điện đơn màu đen, dài 60m tại thời điểm bị chiếm đoạt là 432.000 (bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng; 01 (một) cuộn dây điện đôi màu xanh, dài 50m tại thời điểm bị chiếm đoạt là 680.000 (sáu trăm tám mươi nghìn) đồng; 01 (một) cuộn dây máy hàn, dài 15m tại thời điểm bị chiếm đoạt là 270.000 (hai trăm bảy mươi nghìn) đồng; 01 (một) máy bơm nước, công suất 2Hp tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.558.560 (một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi) đồng; 03 (ba) chiếc máy mài tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.025.000 (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; 01 (một) chiếc Kim cộng lực tại thời điểm bị chiếm đoạt là 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an TP. Kon Tum đã tiến hành thu giữ và xử lý các vật chứng như sau:

Thu giữ 01 (một) máy bơm nước; 03 (ba) máy mài; 02 (hai) cái ba lô; 01 (một) kim cộng lực; 01 (một) cuộn lõi đồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đặng T2, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Thu giữ số tiền 1.560.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng và đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962. Trú tại: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Thu giữ 01 (một) xe mô tô biển số 82B2-102.02, nhãn hiệu Yamaha màu đỏ-đen đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông A B (sinh năm: 1969; trú tại: Thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Thu giữ 01 (một) kéo bằng kim loại, dài 22cm, có cán được bọc nhựa màu đỏ chờ xử lý.

- Về dân sự: Bị hại ông Đặng T2 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K đã nhận lại số tiền bỏ ra để mua cuộn lõi đồng, tất cả đều không yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự.

Cáo trạng số: 142/CT-VKSTPKT ngày 25/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo Lam T, A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2017; Truy tố bị cáo A T2 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ quyết định truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lam T từ 09 năm đến 12 tháng tù; Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A B từ 10 đến 13 tháng tù; Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình

xử phạt bị cáo A T2 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo; Căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS, các vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không đề cập đến nữa. 01 (một) kéo bằng kim loại, dài 22cm, có cán được bọc nhựa màu đỏ mà các bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu và tiêu hủy; Trách nhiệm dân sự không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự nên không xem xét giải quyết; Về án phí HSST buộc các bị cáo phải chịu.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lam T, A B và A T2 khai nhận: Vào ngày 15/8/2023, Lam T đã rủ A B đi tìm tài sản trộm cắp thì A B đồng ý. Đến khoảng 04 giờ, tại thôn K, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum, Lam T và A B đã cùng nhau lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 05 (năm) cuộn dây điện, 01 (một) máy bơm nước, 03 (ba) máy mài, 02 (hai) cái ba lô, 01 (một) kim cộng lực và 01 cái bao tải của anh Đặng T4 với tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt định giá là **6.610.560** đồng (*Sáu triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi đồng*).

Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 15/8/2023, A B đã mang 01 (một) cuộn lõi đồng đưa cho A T nói là tài sản trộm cắp đem đi bán, A T đồng ý; A B đưa xe mô tô biển số 82B2-102.02 cho A T đi bán. A T đã bán cho ông Nguyễn Văn K lấy số tiền 1.560.000 đồng (*Một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bán xong A T mang số tiền trên về đưa cho A B.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản lấy lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm

hành sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo Lam T và A B đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt 6.610.560 đồng; bị cáo A T mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản mà A B đưa đi tiêu thụ là do phạm tội mà có nhưng vẫn chở đi bán cho người khác, giá trị tài sản tiêu thụ do phạm tội mà có là 2.502.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo trộm cắp tài sản đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi đó của bị cáo Lam T và A B đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi của bị cáo A T đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đây là vụ án trộm cắp có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Lam T là người khởi xướng và thực hành, A B là người giúp sức, các bị cáo không có sự phân công vai trò, cấu kết chặt chẽ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét đúng với mức độ tính chất hành vi phạm tội, vai trò của mỗi bị cáo gây nên để quyết định.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cả ba bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo Lam T và A T2 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cần xem xét áp dụng cho bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân lương thiện.

Xét về nhân thân, bị cáo A B là người có nhân thân xấu, từng bị kết án nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội; bị cáo Lam T mặc dù là người có nhân thân tốt nhưng là người khởi xướng, thực hành nên cần phải cách ly bị cáo A B và bị cáo Lam T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của Đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp, mới đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật. Đối với bị cáo A T2 là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như đề nghị của Đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp, cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân sống có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Cả 03 bị cáo đều không có nghề nghiệp nên không áp dụng phạt hình phạt bổ sung.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn K là người đã mua cuộn lõi đồng từ A T2 nhưng anh K không biết đó là tài sản do phạm tội mà có; anh A B là chủ sở hữu xe mô tô biển số 82B2-102.02. Tuy nhiên, anh A B không biết việc A B sử dụng

xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan CSĐT – Công an TP. Kon Tum không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh K và anh A B là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đặng T4, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K, anh A B không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc đề nghị xử lý vật chứng của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Lam T, A B và A T2 phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lam T, A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo A T2 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình.

Xử phạt bị cáo Lam T 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 15/8/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A B 10 (*Mười*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 15/8/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A T2 06 (*Sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng, kể từ ngày tuyên án (22/11/2023).

Giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 (*một*) kéo bằng kim loại, dài 22cm, có cán được bọc nhựa màu đỏ (Biên bản bàn giao ngày 14/11/2023).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lam T, A B và A T2

mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/11/2023) để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung